

**KINH TẾ VIỆT NAM 10 THÁNG ĐẦU NĂM 2010:**

# QUẢN LÝ DNNN NÊN XEM LÀ MỘT YẾU TỐ KINH TẾ VĨ MÔ



Hình thức DNNN được thay đổi rất nhiều lần nhưng nội dung quản lý và hiệu quả hoạt động thay đổi không như kỳ vọng.

*Ảnh ST*

**TRẦN QUANG VŨ**

HÀ NỘI

năm 2010 ước tăng 12,9% so với năm 2009 và bằng khoảng 41% GDP. Kết quả giải ngân vốn Nhà nước khá cao và có tiến bộ trong điều hành, đến hết tháng 9, đạt khoảng 70% và dự kiến cả năm sẽ đạt kế hoạch; nhờ đó sớm hoàn thành nhiều công trình kết cấu hạ tầng và tạo thêm cơ sở sản xuất mới, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phục hồi tăng trưởng.

Trong Báo cáo, Chính phủ nhấn mạnh việc cải thiện kinh tế vĩ mô và đảm bảo các cân đối lớn: Trong khi sản xuất kinh doanh còn nhiều khó khăn, cán cân thương mại thâm hụt lớn, bội chi ngân sách năm trước ở mức cao nhất trong những năm gần đây và những tác động phụ của gói kích thích kinh tế năm 2009, việc bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô là một thách thức lớn, nhưng nhờ những biện pháp điều hành linh hoạt, phù hợp nên tình hình đã có bước cải thiện. Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2010 dự kiến vượt 12,7% so với dự toán và tăng 17,6% so với năm 2009, bảo đảm được các nhiệm vụ chi và góp phần giảm bội chi xuống dưới 6%, thấp hơn kế hoạch đề ra (6,2%). Đến hết năm 2010, dư nợ Chính phủ tương đương khoảng 44,5%

**T**rong Báo cáo được trình bày trước kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XII, Chính phủ khẳng định việc đã ngăn chặn được đà suy giảm, kinh tế phục hồi và tăng trưởng khá cao; kinh tế vĩ mô có bước cải thiện; các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản được bảo đảm... Tuy nhiên, khi thảo luận về tình hình kinh tế - xã hội, nhiều đại biểu Quốc hội chưa đồng ý với một số điểm nêu trong Báo cáo của Chính phủ. Vấn đề gay gắt được nêu ra là: quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế trong từng giai đoạn gắn liền với việc xây dựng các ngành kinh tế chưa tốt; sử dụng vốn chưa hiệu quả; lạm phát chưa được kiểm chế dứt điểm. Và, đặc biệt thông qua sự kiện Vinashin cần phải thay đổi phương thức quản lý để nâng cao độ tin cậy của hệ thống doanh

nh nghiệp nhà nước (DNNN). Một số chuyên gia cho rằng, quản lý tốt hệ thống DNNN là một trong các yếu tố quan trọng để ổn định kinh tế vĩ mô.

## **Chính phủ tự tin về những thành tích phát triển kinh tế**

Báo cáo của Chính phủ về những thành tích phát triển kinh tế, đã thể hiện một số điểm quan trọng như sau:

Mặc dù kinh tế thế giới phục hồi chậm, nhưng kinh tế nước ta đã sớm ra khỏi tình trạng suy giảm và có mức tăng trưởng khá cao. GDP cả năm 2010 dự kiến tăng khoảng 6,7%, cao hơn chỉ tiêu Quốc hội đề ra. Với kết quả này, tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 5 năm 2006 - 2010 đạt khoảng 7%/năm. GDP bình quân đầu người năm 2010 đạt khoảng 1.160 USD. Vốn đầu tư phát triển

GDP, dư nợ nước ngoài của quốc gia khoảng 42,2% GDP và dư nợ công khoảng 56,7% GDP, nằm trong giới hạn an toàn. Chính sách tiền tệ đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng và kiểm soát lạm phát, cơ bản bảo đảm được các mục tiêu đã đề ra từ đầu năm: tổng phương tiện thanh toán tăng khoảng 20%, dư nợ tín dụng tăng khoảng 25%. Tỷ giá được điều hành linh hoạt hơn theo nguyên tắc thị trường; thực hiện điều hành lãi suất cho vay theo cơ chế thỏa thuận và theo hướng giảm dần; tăng cường giám sát bảo đảm an toàn hoạt động của các tổ chức tín dụng; kiểm soát nợ xấu dưới 3%. Tính đến hết tháng 9/2010, thị trường chứng khoán đạt mức vốn hóa khoảng 31,6% GDP.

Về cân đối trong nền kinh tế, Chính phủ nêu rõ: Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2010 ước tăng 19,1%, gấp hơn 3 lần so với kế hoạch. Nhập khẩu được kiểm soát chặt chẽ hơn, tổng kim ngạch nhập khẩu ước tăng 16,5%. Nhập siêu cả năm khoảng 13,5 tỷ USD, dưới 20% tổng kim ngạch xuất khẩu, thấp hơn tỷ lệ nhập siêu năm 2009 và đạt chỉ tiêu đề ra. Sản xuất kinh doanh phát triển, cân đối cung cầu được bảo đảm, cùng với các biện pháp tăng cường kiểm soát giá và chống đầu cơ, thị trường giá cả đã dần ổn định.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới và kinh tế trong nước có nhiều khó khăn, những kết quả đã đạt được không nhỏ. Nhưng một số chuyên gia kinh tế đặt vấn đề: nền kinh tế có thể đạt được những kết quả tốt hơn nhiều nếu Chính phủ có tầm nhìn xa, xây dựng quy hoạch và kế hoạch hợp lý không

để tình trạng lạm phát luôn luôn đe dọa nền kinh tế, tình trạng thiếu điện nghiêm trọng như hiện nay; một số loại hàng hóa khi thì khủng hoảng thiếu, lúc lại khủng hoảng thừa; các chương trình và dự án Quốc gia hoặc chưa đạt hoặc đạt ở mức hiệu quả không cao; nợ Quốc gia ngày càng cao và đặc biệt tài sản Quốc gia thất thoát lớn qua các DNNN, biểu hiện rõ nhất là Vinashin...

### **Quản lý DNNN nên được xem là yếu tố kinh tế vi mô**

Chúng ta sẽ có dịp quay lại phân tích về việc xây dựng các ngành kinh tế nhằm cấu thành nền kinh tế công nghiệp tiên tiến, hiện đại vào năm 2020 và các chính sách tài chính tiền tệ nhằm đảm bảo nền kinh tế có sức cạnh tranh trên thị trường thế giới. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi chỉ phân tích về việc quản lý DNNN trong yếu tố kinh tế vi mô.

Cũng cần phải nói rằng, lâu nay chúng ta luôn dùng nhóm từ ổn định kinh tế vi mô. Nhưng kinh tế vi mô bao gồm những yếu tố nào, mỗi người hiểu theo những cách khác nhau. Nhiều

người chỉ hiểu kinh tế vi mô bao gồm nội hàm: đường lối, chính sách, các cơ chế quản lý tài chính, kinh tế... Và, không nhiều người đặt vấn đề về quản lý hệ thống các DNNN, trước hết là các Tập đoàn kinh tế Nhà nước, các Tổng Công ty Nhà nước là một yếu tố vi mô. Tại sao nó không phải là yếu tố kinh tế vi mô khi ở đó thể hiện rõ quan hệ sản xuất XHCN trong nền kinh tế thị trường.

Tác giả xin nhắc lại, về kinh điển: DNNN là loại doanh nghiệp do Nhà nước đứng ra thành lập, thuộc sở hữu Nhà nước, do Nhà nước điều hành quản lý để thực hiện các chức năng kinh tế Nhà nước như: đảm bảo cung cấp các sản phẩm chủ yếu, nhất là các sản phẩm và dịch vụ liên quan đến an ninh, quốc phòng, ổn định xã hội; thực hiện chức năng tài chính Nhà nước, tức là thông qua sử dụng vốn Nhà nước đầu tư, DNNN sử dụng nó có hiệu quả, tạo lợi nhuận để nộp lại cho Nhà nước. Trong lĩnh vực kinh tế, DNNN là bàn tay nối dài của Nhà nước. Lý thuyết này không phải chỉ đối với nền kinh tế Việt Nam mà nó là lý luận chung của tất cả các nền kinh tế!

Riêng đối với nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN, các DNNN không chỉ thể hiện các chức năng trên mà nó còn phải làm hình mẫu về quản lý, làm hình mẫu về hiệu quả, về năng suất lao động, về quan hệ con người với con người... để cho các thành phần kinh tế khác học và làm theo. Thông qua quản lý DNNN, Đảng và Chính phủ thực hiện định hướng XHCN trong việc sở hữu mang tính XHCN, quản lý mang tính XHCN và phân phối lợi nhuận mang tính

**Hệ thống DNNN là một thực thể, bản thân nó có thể làm cho các định hướng lớn, các chính sách của Đảng và Nhà nước được thực hiện có hiệu quả và ngược lại.**



Tính đến hết tháng 9/2010, thị trường chứng khoán đạt mức vốn hóa khoảng 31,6% GDP.

**Ảnh Bảo Hân**

XHCN trong nền kinh tế thị trường. Hệ thống DNNN là một thực thể, bản thân nó có thể làm cho các định hướng lớn, các chính sách của Đảng và Nhà nước được thực hiện có hiệu quả và ngược lại. Đôi khi nó như một “hồ điều hòa” cho toàn bộ nền kinh tế. Vì thế nó rất quan trọng. Đáng tiếc rằng, lâu nay hệ thống này chưa tạo ra độ tin cậy cần thiết.

Trong nền kinh tế Việt Nam, DNNN đang tạo ra khoảng một phần ba tổng sản phẩm xã hội nhưng lại đang sử dụng phần lớn nội lực Quốc gia về đất đai, về tài nguyên, về vốn và đặc biệt là nhận được sự ưu đãi của Nhà nước so với các thành phần kinh tế khác. Nhưng hiện nay khu vực DNNN đang ở vị thế trì trệ nhất, hoạt động kém hiệu quả nhất và đang ngày càng trở thành gánh nặng cho nền kinh tế. Câu hỏi lớn đặt ra là: Vì sao như vậy?

Nếu xem xét quá trình hình thành và quá trình đổi mới quản lý DNNN, chưa có giai đoạn nào chúng ta hoàn toàn bằng lòng về hiệu quả hoạt động và phương thức quản lý DNNN. Trước năm 1986, nền kinh tế chủ yếu là các

DNNN nên thiếu các thực thể để so sánh và nền kinh tế vận hành theo cơ chế kế hoạch hóa và mệnh lệnh hành chính nên hiệu quả của nó thấp, tuy gay gắt nhưng chúng ta chưa nhận biết thật thấu đáo. Tuy nhiên, các nhà quản lý đã nhận ra có sự trì trệ, sự thiếu hiệu quả nên luôn đặt ra vấn đề cải tiến quản lý DNNN. Ngay từ những năm 1960, việc cải tiến quản lý đã được đặt ra. Thời kỳ đó doanh

nh nghiệp được cấu tạo theo tầng cấp, cấp 1, cấp 2, cấp 3. Đến những năm 1970, 1980 các hình thức xí nghiệp liên hiệp, liên hiệp các xí nghiệp được thay thế cho hình thức cũ. Đến đầu những năm 1990, các Tổng Công ty (TCty) 90, TCty 91 được hình thành và cuối những năm 1990 đến nay, lại được thay thế bằng các mô hình tập đoàn kinh tế đa ngành, TCty mẹ - con. Nhìn lại cả quá trình dài, hình thức DNNN được thay đổi rất nhiều lần nhưng nội dung quản lý và hiệu quả hoạt động thay đổi không như kỳ vọng. Nhiều nhà kinh tế cho rằng, vấn đề sở hữu và quản lý sở hữu đang là yếu tố cần phải xem xét. Không phải chỉ có như vậy.

So sánh với các thành phần kinh tế khác, xung quanh vấn đề sở hữu, sử dụng tài sản và quản lý ở DNNN có những chu trình hình thành ngược nhau. Ở các thành phần kinh tế khác, một chủ đầu tư hoặc một người chủ có một nguồn vốn (tiền, năng lực quản lý, tài sản khác...) đứng ra thành lập doanh nghiệp và họ làm chủ doanh nghiệp tức là họ

hình thành quyền năng sở hữu và điều hành. Trong cả quá trình hoạt động, họ tiêu đồng tiền của chính mình. Nếu lãng phí thì họ lãng phí chính tài sản của mình. Ở đây, không xảy ra vấn đề tham nhũng trong doanh nghiệp. Họ không có ý chỉ tham nhũng tài sản của chính mình. Đối với DNNN, nó được hình thành theo chu trình ngược lại. Một ai đó, do một lý do nào đó (chưa chắc đã phải là người có kỹ năng quản lý) được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành quyết định “cho” làm chủ doanh nghiệp, đồng thời Nhà nước rút về một nguồn vốn (có thể là đất đai, nhà xưởng, vốn công nghệ, vốn bằng tiền). Ngay khi hình thành, DNNN đã thua kém doanh nghiệp các thành phần kinh tế khác ở kỹ năng quản lý và vai trò chủ thực sự của doanh nghiệp. Chủ doanh nghiệp Nhà nước tiêu đồng tiền không phải của mình và vì thế nó khác với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác ở cả ba điểm sau: hiệu quả là sự sống còn, lãng phí và tham nhũng. Có một thực tế ít người chối cãi là một số DNNN phá sản hoặc rơi vào tình trạng phá sản, nhưng những người đứng đầu và đứng sau DNNN này rất giàu có.

Những vấn đề trên đây không chỉ là quy luật xã hội mà nó là quy luật loài người vào giai đoạn hiện tại.

Một trong những minh chứng nữa là từ năm 1992 đến nay, Việt Nam đã từng bước thử nghiệm đến thực hiện ở ạt chuyển DNNN thành công ty cổ phần (gọi là cổ phần hóa (CPH) DNNN). Theo dõi trên thực tế, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp CPH theo những cung bậc khác nhau theo

**Nhận dạng 5 nhân tố chính khiến lạm phát tăng cao**

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) sau 10 tháng tăng 7,75% so với 31/12/2009 và so cùng kỳ đã lên tới 9,66%, trong đó riêng tháng 10 tăng 1,05%. Các con số trên đều đưa ra thông điệp: CPI năm 2010 khó dừng ở mức tăng 8% như Nghị quyết của Quốc hội là không quá 7% hồi đầu năm và đến tháng 4 đã điều chỉnh lại theo đề nghị của Chính phủ, cho nói lên không quá 8%. Trong 2 tháng cuối năm 2010 với nhiều nhân tố gia tăng CPI theo thông lệ và theo cả đặc thù năm nay (2 tháng cuối năm 2009 CPI tăng: 1,94%), nên dự địa dưới 0,25% cho 2 tháng này là không thể.

Xét về mặt nguyên lý và cả trong thực tiễn khách quan, có thể thấy lạm phát cao luôn luôn phụ thuộc chính vào nhân tố tiền tệ trong mối quan hệ hàng - tiền, bởi các nhân tố về hàng hóa hay của cải bao hàm nhiều hàm lượng khách quan, còn nhân tố tiền tệ dù sao cũng bao hàm nhiều hàm lượng chủ động hơn. Theo đó, các nguyên nhân

# CHỈ SỐ CPI NĂM 2010

## Nguyên nhân và đề xuất giải pháp

**TS. NGUYỄN ĐẠI LAI**

TRUNG TÂM TT TIN DỤNG NHNN

*Trong lúc đồng USD mất giá mạnh ở khắp nơi so với các đồng tiền khác như EURO, Bảng Anh, Yen Nhật... thì lại lên giá rất mạnh so với VNĐ.*

chính gây ra lạm phát cao trong năm nay có thể chưa được nhận dạng một cách đầy đủ nhưng

tập trung ở 5 nguyên nhân cơ bản sau: Một là, chưa lường hết được sự bùng phát do tác động trễ của các nhân tố nói lỏng chính sách tiền tệ (CSTT) và nhất là chính sách tài khóa trong gần suốt cả năm 2009 để chống suy giảm kinh tế sau tác động của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu 2007 - 2008. Việc này đã được báo động từ rất sớm, ngay từ đầu năm qua tình trạng ICOR liên tục có xu hướng tăng mạnh từ những năm gần đây và lên tới trên 8 đồng vốn cho một đồng tăng trưởng. Tình trạng đô la hóa, kể cả vàng hóa

(tiếp theo trang 31)

thứ tự DNNN CPH hoàn toàn, DNNN CPH còn cổ phần của Nhà nước và DNNN CPH, Nhà nước vẫn giữ cổ phần chi phối.

Từ lý luận và thực tiễn ta có thể thấy: mô hình nào đối với DNNN không quan trọng bằng vấn đề thực hiện quyền sở hữu và quản lý trong DNNN. Chúng tôi cho rằng có bốn vấn đề cần phải giải quyết, đó là: Quản lý sở hữu Nhà nước trong DNNN phải được kiểm soát bằng cơ chế dân chủ thực sự của hệ thống chính trị

chứ không phải quản lý theo kiểu quyền uy mệnh lệnh mang tính tập quyền trong bộ phận nhỏ lãnh đạo doanh nghiệp và cấp trên doanh nghiệp. Tạo lập một hệ thống quy phạm ứng xử trong lĩnh vực sở hữu để Nhà nước cho phép DNNN hoạt động linh hoạt trong nền kinh tế thị trường và chủ DNNN phải bồi thường vật chất (chứ không phải xử lý hình sự), khi làm thất thoát tài sản Nhà nước. Chọn lựa người hoặc nhóm người đứng đầu DNNN theo cơ chế chọn người hiền tài và

sẵn sàng chịu trách nhiệm bồi thường vật chất nếu để xảy ra thất thoát tài sản. Và, chúng ta nên nghĩ đến việc tuyển chọn người tài từ các doanh nghiệp ngoài Nhà nước được thuê làm người đứng đầu DNNN. Và, một điều rất quan trọng nữa là DNNN hoạt động trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật, không được là "sân sau", là thân hữu của cơ quan hay người mang quyền lực Nhà nước. Dù sao, bốn vấn đề này cũng chỉ là những vấn đề mang tính nguyên tắc. ☺